TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST Ngày: 02/12/2021 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 9, Khóm 6, thị trấn T, huyện I, tỉnh An Giang

Bị đơn: Anh Dương C, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 2, ấp 2B, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 6 năm 2021. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Dương C trước đây tự do quen biết và tìm hiểu nhau, được sự chấp thuận của hai bên gia đình nên anh C, chị N tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện I, tỉnh An Giang

Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc

cho đến khoảng 07 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không quan tâm đến đời sống vợ chồng, thường xuyên kiếm chuyện vô cớ ghen tuông mỗi khi về nhà. Vợ chồng không có sự tôn trọng, nhường nhịn nhau nên thường xảy ra cự cãi, mặc dù chị N nhiều lần khuyên ngăn, hàn gắng tình cảm nhưng không có kết quả. Tháng 5 năm 2014 thì anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị N thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh C

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Dương H sinh ngày 28/9/2008, Dương H1 sinh ngày 11/6/2010 hiện đang sống cùng chị N. Nay ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 28/10/2021 bị đơn anh Dương C trình bày:

Anh C thống nhất với chị Nguyễn Thị N về việc vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện I, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do cuộc sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên năm 2014 anh C và chị N sống ly thân luôn cho đến nay. Nay trước yêu cầu ly hôn của chị N thì anh C đồng ý ly hôn

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Dương H sinh ngày 28/9/2008 và Dương H1 sinh ngày 11/6/2010. Hiện các con do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn về con chung anh C thống nhất giao cả hai con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu thì anh C cũng không ý kiến gì

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Dương C xin xét xử vắng mặt không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án các đơn sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các 70, 71, 72 và Điều 234 của BLTTDS.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Chị Nguyễn Thị N và anh Dương C chung sống với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật

nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy anh chị thường xuyên mâu thuẫn và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Dương C.

Về con chung: Chị N, anh C có 02 con chung tên Dương H sinh ngày 28/9/2008 và Dương H1 sinh ngày 11/6/20 hiện các con đang sống chị N. Chị N có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và anh C cũng thống nhất. Xét thấy đây sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận giao cả 02 con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn,tranh chấp nuôi con chung*" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn anh Dương C hiện có nơi cư trú tại tổ 2, ấp 2B, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tung: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Dương C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Chị Nguyễn Thị N và anh Dương C tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện I, tỉnh An Giang theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án chị N cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân nguyên nhân do anh C không quan tâm đến đời sống vợ chồng, thường xuyên kiếm chuyện vô cớ ghen tuông mỗi khi về nhà. Vợ chồng không có sự tôn trọng, nhường nhịn nhau nên thường xảy ra cự cãi, mặc dù chị N nhiều lần khuyên ngăn, hàn gắng tình cảm nhưng không không có kết quả.

Tháng 5 năm 2014 thì anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Anh C cũng thống nhất với chị N về việc vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do cuộc sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N, anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh C.

[6] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị N, anh C có 02 con chung tên Dương H sinh ngày 28/9/2008, Dương H1 sinh ngày 11/6/2010 hiện các con đang sống chị N. Nay ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, cháu Ho, cháu H1cũng có nguyện vọng ở với chị N và anh C cũng đồng giao cả 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đây sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự nên cần được chấp nhận.

[7]Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Dương C

2. *Về nuôi con chung:* Giao 02 con chung tên Dương H sinh ngày 28/9/2008, Dương H1 sinh ngày 11/6/2010 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con

3.*Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (do anh

Dương C nộp thay) theo biên lai thu số 0011547 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND TT Tri Tôn –Tri Tôn-An Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Xuân Thiều **Nguyễn Việt Thành** **Ung Thị Ngọc Thanh**